TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN S** **TỈNH T**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 131/2022/HS-ST
Ngày 29-12-2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN S, TỈNH T

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Việt C**.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Trần Hữu L**.

2. Ông **Ma Quốc T**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Bùi Trần Thị Minh H** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh T.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện S, tỉnh T tham gia phiên tòa: Ông **Phạm Tất L** – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 12 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh T xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 134/2022/TLST-HS ngày 29 tháng 11 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 131/2022/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 12 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số: 25/2022/HSST-QĐ ngày 15 tháng 12 năm 2022 đối với:

Bị cáo: **LÊ VĂN L** - Sinh ngày: 11-5-1992 tại huyện S, tỉnh T.

Nơi cư trú: Thôn PC, xã PƯ, huyện S, tỉnh T; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 7/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Đảng phái, đoàn thể: Không; Con ông: Lê Thanh K (đã chết); Con bà: Long Thị C – Sinh năm: 1973; Vợ, con: Không.

Tiền sự: Không.

Tiền án: Bị cáo Lê Văn L bị xử phạt 07 năm tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo Bản án số: 18/2017/HSST ngày 05-4-2017 của Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh T. Ngày 29-4-2021, bị cáo Lê Văn L đã chấp hành xong toàn bộ bản án.

Bị cáo Lê Văn L đang được tại ngoại theo Quyết định áp dụng biện pháp ngăn chặn số: 84b/2022/HSST ngày 29 tháng 11 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh T. Có mặt.

Người có Q lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

- Chị **Dương Thị T** - Sinh năm: 1990; Địa chỉ: Tổ 08, phường TQ, thành phố T, tỉnh T. Vắng mặt.

- Anh **Trần Công Đ** - Sinh năm: 1993; Địa chỉ: Thôn 21, xã ĐN, huyện HY, tỉnh T. Vắng mặt.

- Anh **Nông Thành T** - Sinh năm: 1995; Địa chỉ: Thôn KT, xã PƯ, huyện S, tỉnh T. Có mặt.

- Anh **Phạm Văn T1** - Sinh năm: 2002; Địa chỉ: Thôn CT, xã TT, huyện S, tỉnh T. Có mặt.

- Anh **Nguyễn Văn Q** - Sinh năm: 1996; Địa chỉ: Thôn LP, xã PƯ, huyện S, tỉnh T. Có mặt.

- Anh **Trần Việt C** - Sinh năm: 1992; Địa chỉ: Thôn TT1, xã Phức Ứng, huyện S, tỉnh T. Vắng mặt.

Người làm chứng: Chị **Hoàng Thị Mai Q** - Sinh năm: 1996; Địa chỉ: Thôn TT1, xã Phức Ứng, huyện S, tỉnh T. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong khoảng thời gian từ tháng 7-2021 đến tháng 5-2022, bị cáo Lê Văn L đã có hành vi cho người khác vay tiền với mức lãi suất từ 144%/năm đến 1.825%/năm; gấp từ 7,2 đến 91,25 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự, cụ thể như sau:

1. Bị cáo Lê Văn L cho chị Dương Thị T vay tiền với mức lãi suất cao.

- Ngày 26-6-2021, bị cáo L cho chị T vay số tiền 10.000.000 đồng với lãi suất 5.000 đồng/1.000.000 đồng tiền gốc/01 ngày (tương ứng với mức lãi suất là $\frac{365\ ngày\ x\ 5.000\ đồng}{1.000.000\ đồng\ x\ 01\ ngày}\ x\ 100$ = 182,5%/năm; gấp 9,125 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự).

- Ngày 01-7-2021, bị cáo L cho chị T vay số tiền 10.000.000 đồng với mức lãi suất như trên.

- Ngày 11-7-2021, chị T trả cho bị cáo L số tiền lãi 700.000 đồng (tương ứng với 14 ngày) của số tiền 10.000.000 đồng vay ngày 26-6-2021.

- Ngày 12-7-2021, chị T trả cho bị cáo L số tiền lãi 550.000 đồng (tương ứng với 11 ngày) của số tiền 10.000.000 đồng vay ngày 01-7-2021.

Tổng số tiền lãi bị cáo L đã thu là 1.250.000 đồng. Số tiền lãi cao nhất cho phép theo quy định của Bộ luật dân sự của số tiền 10.000.000 đồng vay ngày 26-6-2021 đến ngày 11-7-2021 (14 ngày) là $10.000.000\ đồng\ x\ \frac{20\%}{365}\ x\ 14\ ngày =$ 76.712 đồng. Số tiền 10.000.000 đồng vay ngày 01-7-2021 đến ngày 11-7-2021 (11 ngày) là $10.000.000\ đồng\ x\ \frac{20\%}{365}\ x\ 11\ ngày =$ 60.274 đồng, tổng số tiền lãi cao nhất cho phép theo quy định của Bộ luật dân sự của cả 02 khoản vay là 136.986 đồng. Số tiền bị cáo L đã thu lợi bất chính là: 1.113.014 đồng.

Đến ngày 11-7-2021, bị cáo L và chị T thỏa thuận tính lãi tổng số tiền vay trên (20.000.000 đồng) là 4.000 đồng/1.000.000 đồng tiền gốc/01 ngày, bị cáo L thu tiền lãi theo kỳ 10 ngày, mỗi tháng 03 kỳ, những tháng thừa hay tháng thiếu đều tính là 03 kỳ (tương ứng với mức lãi suất là: $\frac{12\ tháng\ x\ 03\ kỳ\ x\ 800.000\ đồng}{20.000.000\ đồng}\ x\ 100$ = 144%/ năm, gấp 7,2 lần mức lãi suất cao nhất theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự).

- Ngày 15-7-2021, chị T tiếp tục vay của bị cáo L 20.000.000 đồng với mức lãi suất như trên.

Từ ngày 11-7-2021 đến ngày 18-5-2022, chị T đã trả cho bị cáo L tổng số tiền lãi là 35.000.000 đồng/40.000.000 đồng tiền gốc đã vay.

Tổng số tiền lãi theo thỏa thuận giữa chị T và bị cáo L của khoản vay 20.000.000 đồng ngày 11-7-2021 đến ngày 18-5-2022 bị phát hiện (10 tháng 07 ngày) là ($10\ tháng\ x\ 03\ kỳ\ x\ 800.000\ đồng$) + (07 ngày x 800.000 đồng) = 24.560.000 đồng. Thực tế số ngày chị T vay tiền của bị cáo L là 311 ngày, số tiền lãi cao nhất cho phép theo quy định của Bộ luật dân sự là $20.000.000\ đồng\ x\ \frac{20\%}{365}\ x\ 311\ ngày$ = 3.408.219 đồng.

Tổng số tiền lãi theo thỏa thuận giữa chị T và bị cáo L của khoản vay 20.000.000 đồng ngày 15-7-2021 đến ngày 18-5-2022 bị phát hiện (10 tháng 03 ngày) là (10 tháng x 03 kỳ x 800.000 đồng) + (03 ngày x 800.000 đồng) = 24.240.000 đồng. Thực tế số ngày chị T vay tiền của bị cáo L là 308 ngày, số tiền lãi cao nhất cho phép theo quy định của Bộ luật dân sự là $20.000.000\ đồng\ x\ \frac{20\%}{365}\ x\ 308\ ngày$ = 3.375.324 đồng.

Tổng số tiền lãi bị cáo L và chị T thỏa thuận là 48.800.000 đồng, tổng số tiền lãi chị T đã trả cho bị cáo L là 35.000.000 đồng (còn thiếu 13.800.000 đồng chưa trả), theo quy định của Bộ luật dân sự thì tổng số tiền lãi cao nhất cho phép là 6.783.543 đồng.

- Ngày 17-9-2021, bị cáo L cho chị T vay số tiền 2.000.000 đồng. Ngày 19-9-2021 (02 ngày sau), chị T đã trả cho bị cáo L 2.200.000 đồng, trong đó: Tiền gốc là 2.000.000đ; tiền lãi là 200.000 đồng (tương ứng với mức lãi suất là $\frac{365\ ngày\ x\ 200.000\ đồng}{2.000.000\ đồng\ x\ 02\ ngày}\ x\ 100$ = 1825%/ năm, gấp 91,25 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự), số tiền lãi cao nhất cho phép theo quy định của Bộ luật dân sự là $2.000.000\ đồng\ x\ \frac{20\%}{365}\ x\ 02\ ngày$ = 2.192 đồng. Số tiền thu lợi bất chính là 197.808 đồng.

Tổng số tiền bị cáo L cho chị T vay là 42.000.000 đồng; Tổng số tiền lãi bị cáo L và chị T thỏa thuận tính đến ngày 18-5-2022 (thời điểm hành vi bị phát hiện) là 50.250.000 đồng, chị T đã trả cho bị cáo L số tiền lãi là 36.450.000 đồng (còn thiếu 13.800.000 đồng chị T chưa trả cho bị cáo L). Tổng số tiền lãi cao nhất theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự là 6.922.721 đồng. Tổng số tiền bị cáo L thu lợi bất chính từ việc cho chị T vay lãi nặng trong giao dịch dân sự là 43.327.279 đồng.

2. Bị cáo Lê Văn L cho anh Trần Công Đ vay tiền với mức lãi suất cao.

- Ngày 15-7-2021, bị cáo L cho anh Đ vay 20.000.000 đồng với lãi suất là 4.000 đồng/1.000.000 đồng tiền gốc/01 ngày, thỏa thuận chia 01 tháng thành 03 kỳ, mỗi kỳ 10 ngày, đối với những tháng thiếu, thừa sẽ làm tròn 10 ngày và thu 800.000 đồng/01 kỳ tiền lãi (tương ứng với mức lãi suất là: $\frac{12\ tháng\ x\ 03\ kỳ\ x\ 800.000\ đồng}{20.000.000\ đồng}\ x\ 100$ = 144%/ năm, gấp 7,2 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự). Bị cáo L bắt đầu thu tiền lãi của số tiền 20.000.000 đồng từ ngày 15-7-2021 đến 04-3-2022, anh Đ đã chuyển khoản tiền lãi trả cho bị cáo L qua tài khoản số 102867876578 Ngân hàng Vietinbank của anh Trần Việt C.

Ngày 25-02-2022, anh Đ trả cho bị cáo L 1.700.000 đồng tiền gốc, còn nợ 18.300.000 đồng tiền gốc. Bị cáo L và anh Đ thỏa thuận tính lãi 700.000 đồng/10 ngày là 01 kỳ (tương ứng với mức lãi suất là: $\frac{12\ tháng\ x\ 03\ kỳ\ x\ 700.000\ đồng}{18.300.000\ đồng}\ x\ 100$ = 137,7%/ năm, gấp 6,885 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự). Bị cáo L đã thu tiền lãi từ ngày 05-3-2022 đến ngày 24-5-2022.

Ngày 17-5-2022, anh Đ trả cho bị cáo L 3.200.000 đồng tiền gốc, còn nợ lại 15.100.000 đồng tiền gốc. Sau đó, anh Đ và bị cáo L chưa thỏa thuận tiền lãi của số tiền 15.100.000 đồng.

Tổng số tiền lãi theo thỏa thuận giữa anh Đ và bị cáo L từ ngày 15-7-2021 đến ngày 04-3-2022 (07 tháng 20 ngày, tương ứng 23 kỳ) x 800.000 đồng = 18.400.000 đồng. Thực tế số ngày anh Đ vay tiền của bị cáo L là 232 ngày, số tiền lãi cao nhất cho phép theo quy định của Bộ luật dân sự là $20.000.000\ đồng\ x\ \frac{20\%}{365}\ x\ 232\ ngày$ = 2.542.465 đồng.

Tổng số tiền lãi theo thỏa thuận giữa anh Đ và bị cáo L từ ngày 05-3-2022 đến ngày 24-5-2022 (02 tháng 20 ngày, tương ứng 08 kỳ) x 700.000 đồng = 5.600.000 đồng. Thực tế số ngày anh Đ vay tiền của bị cáo L là 81 ngày, số tiền lãi cao nhất cho phép theo quy định của Bộ luật dân sự là $18.300.000\ đồng\ x\ \frac{20\%}{365}\ x\ 81\ ngày$ = 812.219 đồng.

Tổng số tiền anh Đ vay của bị cáo L là 20.000.000 đồng. Tổng số tiền lãi bị cáo L và anh Đ thỏa thuận là 24.000.000 đồng, số tiền lãi anh Đ đã trả cho bị cáo L là 23.930.000 đồng (còn thiếu 70.000 đồng, bị cáo L đã thỏa thuận cho anh Đ). Tổng số tiền lãi cao nhất cho phép theo quy định của Bộ luật dân sự là 3.354.684 đồng. Tổng số tiền bị cáo L thu lợi bất chính từ việc cho anh Đ vay lãi nặng trong giao dịch dân sự là 20.575.316 đồng.

Ngoài ra, trong khoảng thời gian từ ngày 06-4-2022 đến ngày 17-5-2022, bị cáo Lê Văn L và anh Trần Việt C thỏa thuận cùng nhau góp tiền cho anh Nông Thành T, anh Phạm Văn T1 và anh Nguyễn Văn Q vay tiền với mức lãi suất là 5.000 đồng/1.000.000 đồng tiền gốc/01 ngày (tương ứng với mức lãi suất

là $\frac{365\ ngày\ x\ 5.000\ đồng}{1.000.000\ đồng\ x\ 01\ ngày}\ x\ 100$ = 182,5%/ năm, gấp 9,125 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự). Cụ thể:

1. Bị cáo Lê Văn L và anh Trần Việt C cho anh Nông Thành T vay tiền với mức lãi suất cao.

Ngày 02-5-2022, anh T vay của bị cáo L và anh C 04 lần, mỗi lần 5.000.000 đồng, tổng số tiền là 20.000.000 đồng với mức lãi suất là 5.000 đồng/1.000.000 đồng tiền gốc/01 ngày. Anh C sử dụng số tài khoản 0988696200 ngân hàng Mbbank của mình chuyển tiền đến số tài khoản 107003623310 ngân hàng Vietinbank của anh T 04 lần, mỗi lần 4.600.000 đồng. Bị cáo L và anh C đã thu tiền lãi đến ngày 18-5-2022 (thời điểm hành vi bị phát hiện) là 1.600.000 đồng, tương ứng 16 ngày. Số tiền lãi cao nhất cho phép theo quy định của Bộ luật dân sự của số tiền 20.000.000 đồng là: $20.000.000\ đồng\ x\ \frac{20\%}{365}\ x\ 16\ ngày$ = 175.342 đồng.

Ngày 13-5-2022, anh T vay của bị cáo L và anh C 2.000.000 đồng với mức lãi suất như trên, anh C chuyển khoản cho anh T 1.800.000 đồng. Bị cáo L và anh C đã thu tiền lãi đến ngày 03-6-2022 là 200.000 đồng, tương ứng 20 ngày. Số tiền lãi cao nhất cho phép theo quy định của Bộ luật dân sự là: $2.000.000\ đồng\ x\ \frac{20\%}{365}\ x\ 20\ ngày$ = 21.918 đồng.

Tổng số tiền anh Nông Thành T đã vay của bị cáo Lê Văn L và anh Trần Việt C là 22.000.000 đồng. Tổng số tiền lãi anh T đã trả cho anh C và bị cáo L là 1.800.000 đồng. Tổng số tiền lãi cao nhất cho phép theo quy định của Bộ luật dân sự là 197.260 đồng. Tổng số tiền bị cáo L và anh C thu lợi bất chính từ việc cho anh T vay lãi nặng trong giao dịch dân sự là 1.602.740 đồng.

2. Bị cáo Lê Văn L và anh Trần Việt C cho anh Nguyễn Văn Q vay tiền với mức lãi suất cao.

Ngày 17-5-2022, anh Q vay của bị cáo L và anh C 03 lần với tổng số tiền là 10.000.000 đồng, với mức lãi suất là 5.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày, anh C sử dụng số tài khoản 102867876578 ngân hàng Vietinbank của mình chuyển tiền đến số tài khoản 100871437638 ngân hàng Vietinbank của anh Q 03 lần với tổng số tiền là 8.500.000 đồng.

Bị cáo L và anh C đã thu tiền lãi đến ngày 15-6-2022 là 1.500.000 đồng, tương ứng 30 ngày. Số tiền lãi cao nhất cho phép theo quy định của Bộ luật dân sự là: $10.000.000\ đồng\ x\ \frac{20\%}{365}\ x\ 30\ ngày$ ***= 164.383 đồng. Số tiền bị cáo L và anh C thu lợi bất chính từ việc cho anh Q vay lãi nặng trong giao dịch dân sự là 1.335.617 đồng.***

3. Bị cáo Lê Văn L và anh Trần Việt C cho anh Phạm Văn T1 vay tiền với mức lãi suất cao.

Ngày 06-4-2022, anh T1 vay của bị cáo L và anh C 02 lần, mỗi lần 5.000.000 đồng, tổng 10.000.000 đồng với mức lãi suất là 5.000 đồng/1.000.000 đồng tiền gốc/01 ngày, anh C sử dụng số tài khoản 0988696200 ngân hàng

Mbbank của mình chuyển tiền đến số tài khoản 103872221744 ngân hàng Vietinbank của anh Ngụy Cao Hải (bạn của anh Phạm Văn T1) 02 lần với tổng số tiền 9.000.000 đồng. Sau đó, anh T1 rút tiền từ tài khoản của anh Hải. Bị cáo L và anh C đã thu tiền lãi đến ngày 26-4-2022 là 1.000.000 đồng, tương ứng 20 ngày.

Ngày 15-4-2022, anh T1 chuyển trả tiền lãi cho bị cáo L và anh C số tiền 750.000 đồng (là tiền lãi 15 ngày từ ngày 26-4-2022 đến ngày 11-5-2022).

Ngày 15-5-2022, anh T1 tiếp tục vay của bị cáo L và anh C 5.000.000 đồng, với lãi suất như trên, anh C chuyển khoản cho anh T1 4.250.000 đồng. Bị cáo L và anh C đã thu tiền lãi đến ngày 15-6-2022 là 750.000 đồng, tương ứng 30 ngày.

Ngày 15-5-2022, anh T1 chuyển 1.500.000 đồng cho bị cáo L và anh C là tiền lãi 30 ngày (từ ngày 12-5-2022 đến ngày 11-6-2022) của khoản vay 10.000.000 đồng ngày 06-4-2022.

Số tiền lãi cao nhất cho phép theo quy định của Bộ luật dân sự của khoản vay 10.000.000 đồng trong 65 ngày là: $10.000.000\,đồng\ x\ \frac{20\%}{365}\ x\ 65\ ngày =$ 356.164 đồng.

Số tiền lãi cao nhất cho phép theo quy định của Bộ luật dân sự của khoản vay 5.000.000 đồng trong 30 ngày là: $5.000.000\,đồng\ x\ \frac{20\%}{365}\ x\ 30\ ngày =$ 82.192 đồng.

Tổng số tiền anh Phạm Văn T1 đã vay của bị cáo Lê Văn L và anh Trần Việt C là 15.000.000 đồng. Tổng số tiền lãi anh T1 đã trả cho bị cáo L và anh C là 4.000.000 đồng. Tổng số tiền lãi cao nhất cho phép theo quy định của Bộ luật dân sự là 438.356 đồng. Tổng số tiền bị cáo L và anh C thu lợi bất chính từ việc cho anh T1 vay lãi nặng trong giao dịch dân sự là 3.561.644 đồng.

Tổng số tiền bị cáo L và anh C cho anh T, anh Q, anh T1 vay là 47.000.000 đồng (anh T vay 22.000.000 đồng, anh Q vay 10.000.000 đồng, anh T1 vay 15.000.000 đồng). Tổng số tiền lãi bị cáo L và anh C đã thu được của anh T, anh Q, anh T1 là 7.300.000 đồng. Tổng số tiền lãi cao nhất cho phép theo quy định của Bộ luật dân sự đối với khoản vay của anh T, anh Q, anh T1 là 799.999 đồng; Tổng số tiền bị cáo L và anh C thu lợi bất chính từ việc cho anh T, anh Q, anh T1 vay là 6.500.001 đồng.

Về phần dân sự: Người có Q lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án chị Dương Thị T, anh Trần Công Đ yêu cầu bị cáo Lê Văn L trả lại số tiền lãi vượt quá quy định đã thu. Anh Nông Thành T, anh Nguyễn Văn Q, anh Phạm Văn T1 yêu cầu bị cáo Lê Văn L và anh Trần Việt C trả lại số tiền lãi vượt quá quy định đã thu.

Về vật chứng: Quá trình điều tra, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện S, tỉnh S thu giữ: 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO F7, bên trong lắp 02 sim điện thoại của anh Trần Việt C; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XS, bên trong lắp 01 sim điện thoại của bị cáo Lê Văn L.

Tại cáo trạng số: 132/CT-VKS ngày 28 tháng 11 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện S, tỉnh T quyết định truy tố đối với bị cáo Lê Văn L về tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện S, tỉnh T thực hành Q công tố, có quan điểm giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Lê Văn L. Đưa ra chứng cứ đánh giá mức độ hành vi phạm tội và thái độ thành khẩn khai báo của bị cáo cùng các tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện S, tỉnh T đề nghị với HĐXX:

Về tội danh: Tuyên bị cáo Lê Văn L phạm tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" theo quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự.

Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 201; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 36 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Lê Văn L từ 09 tháng đến 01 năm cải tạo không giam giữ. Miễn việc khấu trừ thu nhập đối với bị cáo L.

Giao bị cáo Lê Văn L về Ủy ban nhân dân xã PƯ, huyện S, tỉnh T để giám sát, giáo dục.

Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Trả lại cho bị cáo Lê Văn L tài sản không phải là vật chứng nhưng tạm giữ lại để đảm bảo thi hành án.

01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XS, bên trong lắp 01 sim điện thoại.

Trả lại cho anh Trần Việt C tài sản không phải là vật chứng nhưng tạm giữ lại để đảm bảo thi hành án.

01 Điện thoại di động nhãn hiệu OPPO F7, bên trong có lắp 02 sim điện thoại.

Về biện pháp tư pháp:

Truy thu sung vào ngân sách nhà nước khoản tiền người phạm tội dùng để cho vay:

+ Truy thu của chị Dương Thị T số tiền 40.000.000đ.

+ Truy thu của anh Trần Công Đ số tiền 15.100.000đ.

+ Truy thu của anh Nông Thành T số tiền 22.000.000đ.

+ Truy thu của anh Nguyễn Văn Q số tiền 10.000.000đ.

+ Truy thu của bị cáo Lê Văn L số tiền 21.900.000đ.

Truy thu sung vào ngân sách nhà nước khoản tiền lãi tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự mà bị cáo Lê Văn L đã thu của người vay:

Truy thu của bị cáo Lê Văn L số tiền 10.277.400đ.

Truy thu sung vào ngân sách nhà nước khoản tiền lãi tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự mà bị cáo Lê Văn L và anh Trần Việt C đã thu của người vay:

Truy thu của bị cáo Lê Văn L và anh Trần Việt C số tiền 799.900đ.

Trả lại cho người vay tiền thu lợi bất chính mà người phạm tội thực tế đã thu:

+ Buộc bị cáo Lê Văn L trả cho chị Dương Thị T số tiền 29.527.200đ.

+ Buộc bị cáo Lê Văn L trả cho anh Trần Công Đ số tiền 20.575.300đ.

+ Buộc bị cáo Lê Văn L trả cho anh Nông Thành T số tiền 801.300đ.

+ Buộc bị cáo Lê Văn L trả cho anh Nguyễn Văn Q số tiền 667.800đ.

+ Buộc bị cáo Lê Văn L trả cho anh Phạm Văn T1 số tiền 1.780.800đ.

Về án phí và Q kháng cáo: Theo quy định của pháp luật.

Phần tranh luận tại phiên tòa:

Bị cáo Lê Văn L; người có Q lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án anh Nông Thành T, anh Nguyễn Văn Q, anh Phạm Văn T1 nhất trí với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát đưa ra tại phiên tòa.

Q của bị cáo được nói lời sau cùng: Bị cáo Lê Văn L đã nhận thấy hành vi của mình là vi phạm pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ mức hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về trách nhiệm hình sự: Tại phiên tòa, bị cáo Lê Văn L đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời nhận tội của bị cáo Lê Văn L khai phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra; phù hợp với lời khai của người có Q lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án, vật chứng thu giữ cùng với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa.

Như vậy đã có đủ cơ sở để kết luận:

Trong khoảng thời gian từ tháng 7-2021 đến tháng 5-2022, bị cáo Lê Văn L đã có hành vi cho chị Dương Thị T và anh Trần Công Đ vay tiền với mức lãi suất từ 144%/ năm đến 1.825%/ năm, gấp từ 7,2 đến 91,25 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự. Cụ thể:

- Trong các ngày 26-6-2021, 01-7-2021, 15-7-2021, 17-9-2021, bị cáo Lê Văn L đã có hành vi cho chị Dương Thị T vay tổng số tiền 42.000.000 đồng với lãi suất nặng. Tổng số tiền lãi bị cáo L và chị T thỏa thuận tính đến ngày 18-5-2022 bị phát hiện là 50.250.000 đồng, chị T đã trả cho bị cáo L số tiền lãi là 36.450.000 đồng, còn thiếu 13.800.000 đồng chị T chưa trả cho bị cáo L. Tổng số tiền lãi cao nhất theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự là 6.922.721 đồng. Tổng số tiền bị cáo L thu lợi bất chính từ việc cho chị T vay lãi nặng trong giao dịch dân sự là 43.327.279 đồng.

- Ngày 15-7-2021, bị cáo Lê Văn L đã có hành vi cho anh Trần Công Đ vay số tiền 20.000.000 đồng với lãi suất nặng. Tổng số tiền lãi bị cáo L và anh Đ thỏa thuận là 24.000.000 đồng, số tiền lãi anh Đ đã trả cho bị cáo L là 23.930.000 đồng (còn thiếu 70.000 đồng bị cáo L thoả thuận cho anh Đ). Tổng số tiền lãi cao nhất cho phép theo quy định của Bộ luật dân sự là 3.354.684

đồng. Tổng số tiền bị cáo L thu lợi bất chính từ việc cho anh Đ vay lãi nặng trong giao dịch dân sự là 20.575.316 đồng.

Ngoài ra trong khoảng thời gian từ ngày 06-4-2022 đến ngày 17-5-2022, bị cáo Lê Văn L và anh Trần Việt C thỏa thuận cùng nhau góp tiền cho anh Nông Thành T; anh Phạm Văn T1 và anh Nguyễn Văn Q vay tiền với mức lãi suất là 5.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày (tương ứng với mức lãi suất là $\frac{365\ ngày\ x\ 5.000\ đồng}{1.000.000\ đồng\ x\ 01\ ngày}\ x\ 100$ = 182,5%/ năm, gấp 9,125 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự). Cụ thể:

- Trong các ngày 02-5-2022, 13-5-2022, bị cáo Lê Văn L và anh Trần Việt C cho anh Nông Thành T vay tổng số tiền là 22.000.000 đồng. Tổng số tiền lãi anh T đã trả cho anh C và bị cáo L là 1.800.000 đồng. Tổng số tiền lãi cao nhất cho phép theo quy định của Bộ luật dân sự là 197.260 đồng. Tổng số tiền bị cáo L và anh C thu lợi bất chính từ việc cho anh T vay lãi nặng trong giao dịch dân sự là 1.602.740 đồng.

- Ngày 17-5-2022, bị cáo Lê Văn L và anh Trần Việt C cho anh Nguyễn Văn Q vay tổng số tiền là 10.000.000 đồng. Tổng số tiền lãi anh Q đã trả cho bị cáo L và anh C là 1.500.000 đồng. Tổng số tiền lãi cao nhất cho phép theo quy định của Bộ luật dân sự là 164.383 đồng. Tổng số tiền bị cáo L và anh C thu lợi bất chính từ việc cho anh Q vay lãi nặng trong giao dịch dân sự là 1.335.617 đồng.

- Trong các ngày 06-4-2022, 15-5-2022, bị cáo Lê Văn L và anh Trần Việt C cho anh Phạm Văn T1 vay tổng số tiền là 15.000.000 đồng. Tổng số tiền lãi anh T1 đã trả cho anh C và bị cáo L là 4.000.000 đồng. Tổng số tiền lãi cao nhất cho phép theo quy định của Bộ luật dân sự là 438.356 đồng. Tổng số tiền bị cáo L và anh C thu lợi bất chính từ việc cho anh T vay lãi nặng trong giao dịch dân sự là 3.561.644 đồng.

Tổng số tiền cá nhân bị cáo Lê Văn L trực tiếp thu lợi bất chính từ việc cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự là 63.902.595 đồng. Tổng số tiền bị cáo Lê Văn L cùng anh Trần Việt C thu lợi bất chính từ việc cho vay lãi nặng trong giao dich dân sự là 6.500.001 đồng.

Hội đồng xét xử đã có đủ căn cứ để kết luận bị cáo Lê Văn L phạm tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" theo khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự như Viện kiểm sát truy tố là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2] Các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa ngày hôm nay, bị cáo Lê Văn L thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo có ông nội là cụ Lê Thanh Kiệm được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng nhì, bà nội là cụ Văn Thị Huận được tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng nhất do vậy bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ hình phạt khi lượng hình theo quy định tại điểm s khoản 1; khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[3] Các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Lê Văn L bị xử phạt 07 năm tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo Bản án số: 18/2017/HSST ngày 05-4-2017 của Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh T. Ngày 29-

4-2021, bị cáo Lê Văn L đã chấp hành xong toàn bộ bản án nhưng chưa được xóa án tích. Từ tháng 7-2021 đến tháng 5-2022, bị cáo tiếp tục thực hiện hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng "Tái phạm" theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

[4] Về hình phạt bổ sung: HĐXX xét thấy bị cáo Lê Văn L làm nghề lao động tự do; thu nhập không ổn định; bị cáo không có tài sản có giá trị; năm 2008, bị cáo bị người khác dùng hung khí nguy hiểm gây thương tích dẫn đến tổn hại sức khỏe tạm thời là 53%, tại thời điểm giám định để lại di chứng bại liệt ½ người trái, di chứng để lại gây khó khăn đến khả năng vận động của bị cáo trong đời sống hàng ngày nên bị cáo được cơ quan chức năng xét duyệt thuộc đối tượng người tàn tật và được hưởng bảo trợ xã hội từ năm 2011 đến năm 2015. Mặc dù hiện tại bị cáo không còn thuộc đối tượng người tàn tật được hưởng bảo trợ xã hội, tuy nhiên di chứng để lại bị cáo vẫn khó khăn vận động không có khả năng lao động nên không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo để thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

[5] Tính chất và mức độ của hành vi phạm tội: Xét thấy hành vi phạm tội của bị cáo Lê Văn L là nguy hiểm cho xã hội; không những đã xâm phạm trực tiếp đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước về lĩnh vực tín dụng mà hành vi của bị cáo còn mang tính chất bóc lột, làm cho người vay tiền L vào hoàn cảnh khó khăn; gây tâm lý hoang mang, lo lắng, bất bình trong quần chúng nhân dân; làm ảnh hưởng xấu đến công tác đấu tranh, phòng chống các tệ nạn xã hội. Bản thân bị cáo ý thức được hành vi cho vay lãi nặng là hành vi bị pháp luật nghiêm cấm, nhưng vì mục đích hám lợi và thái độ coi thường pháp luật nên bị cáo đã bất chấp để thực hiện. Hội đồng xét xử thấy rằng cần lên một mức án nghiêm minh, phù hợp với tính chất, mức độ hành vi mà bị cáo đã gây ra để bị cáo lấy đó là một bài học tu dưỡng, rèn luyện bản thân trở thành công dân có ích cho xã hội, góp phần đảm bảo an ninh trật tự cũng như phòng ngừa tội phạm trong gia đình, cộng đồng và xã hội.

Từ những phân tích, đánh giá tại mục **[4]** phần "**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**" tại bản án này, HĐXX xét thấy điều kiện, hoàn cảnh của bị cáo rất khó khăn nên không áp dụng hình phạt chính là hình phạt tiền mà áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ và miễn việc khấu trừ thu nhập đối với bị cáo là phù hợp và thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

[6] Về vật chứng:

Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện S, tỉnh T tạm giữ: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XS, bên trong lắp 01 sim điện thoại của bị cáo Lê Văn L; 01 Điện thoại di động nhãn hiệu OPPO F7, bên trong có lắp 02 sim điện thoại của anh Trần Việt C. Bị cáo Lê Văn L và anh Trần Việt C đều khai nhận đã sử dụng những chiếc điện thoại nói trên với mục đích liên lạc hàng ngày. HĐXX xét thấy, tuy bị cáo L và anh C một số lần sử dụng chiếc điện thoại để trao đổi với những người vay tiền với lãi suất nặng, nhưng mục đích sử dụng những chiếc điện thoại này là công cụ để liên lạc hàng ngày, không phải để sử dụng thường xuyên hay chuyên sử dụng vào việc trao đổi, thỏa thuận việc cho vay tiền với lãi suất nặng. Do vậy, chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XS của bị cáo Lê

Văn L; 01 Điện thoại di động nhãn hiệu OPPO F7 của anh Trần Việt C nói trên không phải là công cụ dùng vào việc phạm tội và cần trả lại cho bị cáo Lê Văn L và anh Trần Việt C quản lý, sử dụng.

Trả lại cho bị cáo Lê Văn L tài sản không phải là vật chứng nhưng tạm giữ lại để đảm bảo thi hành án.

01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XS, bên trong lắp 01 sim điện thoại.

Trả lại cho anh Trần Việt C tài sản không phải là vật chứng nhưng tạm giữ lại để đảm bảo thi hành án.

01 Điện thoại di động nhãn hiệu OPPO F7, bên trong có lắp 02 sim điện thoại.

Theo quy định tại Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

[7] Về biện pháp tư pháp: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa xác định được:

- Bị cáo Lê Văn L đã cho chị Dương Thị T vay số tiền 42.000.000đ; bị cáo Lê Văn L đã cho anh Trần Công Đ vay số tiền 20.000.000đ; bị cáo Lê Văn L và anh Trần Việt C đã cho anh Nông Thành T vay số tiền 22.000.000đ; bị cáo Lê Văn L và anh Trần Việt C đã cho anh Nguyễn Văn Q vay số tiền 10.000.000đ; bị cáo Lê Văn L và anh Trần Việt C đã cho anh Phạm Văn T1 vay số tiền 15.000.000đ. HĐXX xét thấy, toàn bộ số tiền trên là số tiền gốc bị cáo L và anh Trần Việt C cho những người khác vay dưới hình thức cho vay lãi nặng nhằm thu lợi bất chính, là hành vi vi phạm pháp luật nên cần tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

Ngày 19-9-2021, chị T đã trả cho bị cáo L 2.200.000 đồng, trong đó 2.000.000đ là trả vào tiền gốc, còn nợ lại 40.000.000đ tiền gốc. Bị cáo L cũng thừa nhận đã nhận số tiền 2.000.000đ của chị T và thanh toán vào số tiền gốc. Do vậy, cần truy thu số tiền gốc chị T còn nợ lại và số tiền gốc chị T đã trả cho bị cáo L từ chị T và bị cáo L.

Ngày 25-02-2022, anh Đ trả cho bị cáo L 1.700.000 đồng tiền gốc, còn nợ 18.300.000 đồng tiền gốc. Ngày 17-5-2022, anh Đ trả cho bị cáo L 3.200.000 đồng tiền gốc, còn nợ lại 15.100.000 đồng tiền gốc. Bị cáo L cũng thừa nhận đã nhận số tiền 4.900.000đ của anh Đ và thanh toán vào số tiền gốc. Do vậy, cần truy thu số tiền gốc anh Đ còn nợ lại và số tiền gốc anh Đ đã trả cho bị cáo L từ anh Đ và bị cáo L.

Từ khi vay tiền đến thời điểm này, anh T, anh Q chưa thanh toán bất kể một khoản tiền gốc nào cho bị cáo L và anh C nên cần truy thu số tiền gốc bị cáo L và anh Trần Việt C cho những người khác vay dưới hình thức cho vay lãi nặng nhằm thu lợi bất chính từ anh T, anh Q.

Từ sau khi vay tiền của bị cáo L và anh Trần Việt C, anh Phạm Văn T1 đã trả cho bị cáo L toàn bộ số tiền gốc 15.000.000đ đã vay. Bị cáo L cũng thừa nhận đã nhận số tiền 15.000.000đ của anh T1 và thanh toán vào số tiền gốc. Toàn bộ số tiền 15.000.000đ này, bị cáo L đã chi tiêu cá nhân hết và không đưa lại cho anh Trần Việt C bất kỳ khoản tiền nào. Do vậy, cần truy thu số tiền gốc anh T1 đã trả cho bị cáo L và anh C từ bị cáo L.

Truy thu sung vào ngân sách nhà nước khoản tiền người phạm tội dùng để cho vay:

+ Truy thu của chị Dương Thị T số tiền 40.000.000đ.

+ Truy thu của anh Trần Công Đ số tiền 15.100.000đ.

+ Truy thu của anh Nông Thành T số tiền 22.000.000đ.

+ Truy thu của anh Nguyễn Văn Q số tiền 10.000.000đ.

+ Truy thu của bị cáo Lê Văn L số tiền 21.900.000đ.

- Quá trình cho vay lãi nặng, bị cáo Lê Văn L và anh Trần Việt C nhiều lần thu tiền lãi (những người vay trả tiền lãi) của những người vay tiền. HĐXX xét thấy, trong số tiền lãi bị cáo L và anh C nhận của những người vay tiền có khoản tiền lãi tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự. Đây là số tiền phát sinh từ hành vi phạm tội nên cần tịch sung vào ngân sách nhà nước khoản tiền lãi tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự, cụ thể như sau:

Tổng số tiền lãi cao nhất cho phép theo quy định của Bộ luật Dân sự đối với khoản tiền bị cáo L cho chị T vay là 6.922.721 đồng.

Tổng số tiền lãi cao nhất cho phép theo quy định của Bộ luật dân sự đối với khoản tiền bị cáo L cho anh Đ vay là 3.354.684 đồng.

Tổng số tiền lãi cao nhất cho phép theo quy định của Bộ luật dân sự đối với khoản tiền bị cáo L và anh C cho anh T vay là 197.260 đồng.

Tổng số tiền lãi cao nhất cho phép theo quy định của Bộ luật dân sự đối với khoản tiền bị cáo L và anh C cho anh Q vay 164.383 đồng.

Tổng số tiền lãi cao nhất cho phép theo quy định của Bộ luật dân sự đối với khoản tiền bị cáo L và anh C cho anh T1 vay là 438.356 đồng.

Truy thu sung vào ngân sách nhà nước khoản tiền lãi tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự mà bị cáo Lê Văn L đã thu của người vay:

Truy thu của bị cáo Lê Văn L số tiền 10.277.400đ (Đã làm tròn số để thuận tiện cho việc thi hành).

Truy thu sung vào ngân sách nhà nước khoản tiền lãi tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự mà bị cáo Lê Văn L và anh Trần Việt C đã thu của người vay:

Truy thu của bị cáo Lê Văn L và anh Trần Việt C số tiền 799.900đ. Cụ thể, truy thu của bị cáo Lê Văn L và anh Trần Việt C mỗi người 399.900đ. (Đã làm tròn số để thuận tiện cho việc thi hành).

- Quá trình cho vay lãi nặng, bị cáo Lê Văn L và anh Trần Việt C nhiều lần thu tiền lãi (những người vay trả tiền lãi) của những người vay tiền. HĐXX xét thấy, trong số tiền lãi bị cáo L và anh C nhận của những người vay tiền, ngoài khoản tiền lãi tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự thì toàn bộ số tiền còn lại là số tiền thu lợi bất chính từ việc cho người vay tiền vay lãi nặng trong giao dịch dân sự (vượt quá mức lãi suất 20%/năm). Những người vay tiền đều có yêu cầu bị cáo L và anh C trả lại số tiền lãi vượt

quá quy định. Đây là khoản tiền thu lợi bất chính phát sinh từ hành vi phạm tội, nên cần trả lại cho những người vay khoản tiền bị cáo L và anh C thu lợi bất chính từ hành vi cho vay lãi nặng, cụ thể như sau:

+ Tổng số tiền lãi bị cáo L và chị T thỏa thuận tính đến ngày 18-5-2022 bị phát hiện là 50.250.000 đồng. Tuy nhiên, số tiền lãi thực thế bị cáo L đã thu được của chị T là 36.450.000 đồng, trong đó: Tiền lãi cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự là 6.922.721 đồng; Số tiền thực tế bị cáo L đã thu lợi bất chính được từ việc cho chị T vay lãi nặng trong giao dịch dân sự là 29.527.279 đồng. Số tiền 29.527.279 đồng được làm tròn số để thuận tiện cho việc thi hành là 29.527.200 đồng.

+ Tổng số tiền bị cáo L thu lợi bất chính từ việc cho anh Đ vay lãi nặng trong giao dịch dân sự là 20.575.316 đồng. Số tiền 20.575.316 đồng được làm tròn số để thuận tiện cho việc thi hành là 20.575.300 đồng.

+ Tổng số tiền bị cáo L và anh C thu lợi bất chính từ việc cho anh T vay lãi nặng trong giao dịch dân sự là 1.602.740 đồng. Số tiền 1.602.400 đồng được làm tròn số để thuận tiện cho việc thi hành là 1.602.700 đồng. Cụ thể, bị cáo L và anh C mỗi người phải trả cho anh Nông Thành T số tiền 801.350đ. Số tiền 801.350 đồng được làm tròn số để thuận tiện cho việc thi hành là 801.300 đồng. Ngày 15-12-2022, Cơ quan Công an huyện S, tỉnh T đã trả lại cho anh T số tiền 801.400đ (đây là số tiền C thu lợi bất chính từ việc cho anh T vay lãi nặng và anh C đã giao nộp cho Cơ quan Công an để trả lại cho anh T). Anh C đã trả lại cho anh T toàn bộ khoản tiền thu lợi bất chính từ hành vi cho vay lãi nặng nên cần buộc bị cáo L phải trả cho anh T khoản tiền thu lợi bất chính còn lại.

+ Tổng số tiền bị cáo L và anh C thu lợi bất chính từ việc cho anh Q vay lãi nặng trong giao dịch dân sự là 1.335.617đ. Số tiền 1.335.617 đồng được làm tròn số để thuận tiện cho việc thi hành là 1.335.600 đồng. Cụ thể, bị cáo L và anh C mỗi người phải trả cho anh Nguyễn Văn Q số tiền 667.800đ. Ngày 15-12-2022, Cơ quan Công an huyện S, tỉnh T đã trả lại cho anh Q số tiền 667.800đ (đây là số tiền anh C thu lợi bất chính từ việc cho anh Q vay lãi nặng và anh C đã giao nộp cho Cơ quan Công an để trả lại cho anh Q). Anh C đã trả lại cho anh Q toàn bộ khoản tiền thu lợi bất chính từ hành vi cho vay lãi nặng nên cần buộc bị cáo L phải trả cho anh Q khoản tiền thu lợi bất chính còn lại.

+ Tổng số tiền bị cáo L và anh C thu lợi bất chính từ việc cho anh T1 vay lãi nặng trong giao dịch dân sự là 3.561.644đ. Số tiền 3.561.644 đồng được làm tròn số để thuận tiện cho việc thi hành là 3.561.600 đồng Cụ thể, bị cáo L và anh C mỗi người phải trả cho anh T1 số tiền 1.780.800đ. Ngày 15-12-2022, Cơ quan Công an huyện S, tỉnh T đã trả lại cho anh T1 số tiền 1.780.800đ (đây là số tiền anh C thu lợi bất chính từ việc cho tôinh T1 vay lãi nặng và anh C đã giao nộp cho Cơ quan Công an để trả lại cho anh T1). Anh C đã trả lại cho anh T1 toàn bộ khoản tiền thu lợi bất chính từ hành vi cho vay lãi nặng nên cần buộc bị cáo L phải trả cho anh T1 khoản tiền thu lợi bất chính còn lại.

Trả lại cho người vay tiền thu lợi bất chính mà người phạm tội thực tế đã thu:

+ Buộc bị cáo Lê Văn L trả cho chị Dương Thị T số tiền 29.527.200đ.

+ Buộc bị cáo Lê Văn L trả cho anh Trần Công Đ số tiền 20.575.300đ.

+ Buộc bị cáo Lê Văn L trả cho anh Nông Thành T số tiền 801.300đ.

+ Buộc bị cáo Lê Văn L trả cho anh Nguyễn Văn Q số tiền 667.800đ.

+ Buộc bị cáo Lê Văn L trả cho anh Phạm Văn T1 số tiền 1.780.800đ.

Theo quy định tại Điều 46; Điều 47; Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 5 Nghị quyết số: 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20-12-2021 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao "*Hướng dẫn áp dụng Điều 201 của Bộ luật hình sự và việc xét xử vụ án hình sự về tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*".

Bị cáo; Người có Q lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến gì đối với việc làm tròn số tiền để thuận tiện cho việc thi hành.

[7] Về án phí: Buộc bị cáo Lê Văn L phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm theo quy định khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 21, khoản 1 Điều 23 theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 "quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án".

[8] Q kháng cáo: Bị cáo; người có Q lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án có Q kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 331; Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

[9] Về hành vi tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, HĐXX nhận thấy Cơ quan điều tra; Điều tra viên; Viện kiểm sát; Kiểm sát viên đã thực hiện hành vi, quyết định tố tụng về khởi tố vụ án, khởi tố bị can, áp dụng biện pháp ngăn chặn, ra quyết định truy tố; thu thập chứng cứ tài liệu, vật chứng đã khách quan, phù hợp với quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng. Do vậy các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[10] Các vấn đề khác:

Đối với hành vi của anh Trần Việt C cùng bị cáo Lê Văn L cho anh Nông Thành T, anh Nguyễn Văn Q và anh Phạm Văn T1 vay tổng số tiền 47.000.000 đồng (tương ứng với mức lãi suất là 182,5%/ năm, gấp 9,125 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự). Anh Trần Việt C cùng bị cáo Lê Văn L thu lợi bất chính số tiền là 6.499.999 đồng. Hành vi của anh C chưa đủ yếu tố cấu thành tội Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện S, tỉnh T đã chuyển toàn bộ tài liệu đến Ủy ban nhân dân huyện S, tỉnh T đề nghị xử phạt vi phạm hành chính đối với anh Trần Việt C theo quy định. Ngày 06-12-2022, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện S, tỉnh T đã xử phạt vi phạm hành chính đối với anh C về hành vi vi phạm trên theo Quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh trật tự, an toàn xã hội số: 8092/QĐ-XPHC.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 201; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 36 Bộ luật hình sự;

Điều 46; Điều 47; Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự;

Khoản 2 Điều 136; Điều 331; Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

Điều 21, khoản 1 Điều 23 theo Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 "Quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án".

Về tội danh và hình phạt:

Tuyên bố bị cáo Lê Văn L phạm tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự". Xử phạt bị cáo Lê Văn L **01** (**một**) năm cải tạo không giam giữ.

Giao bị cáo Lê Văn L về Ủy ban nhân dân xã PƯ, huyện S, tỉnh T để giám sát, giáo dục. Gia đình người bị kết án có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã PƯ, huyện S, tỉnh T trong việc giám sát, giáo dục người đó. Trường hợp người bị kết án thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 75 của Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian chấp hành án, người bị kết án phải thực hiện một số nghĩa vụ theo các quy định về cải tạo không giam giữ và miễn việc khấu trừ thu nhập đối với người bị kết án.

Thời điểm bắt đầu tính thời hạn cải tạo không giam giữ là ngày Ủy ban nhân dân xã PƯ, huyện S, tỉnh T được giao giám sát, giáo dục; người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Về vật chứng:

Trả lại cho bị cáo Lê Văn L tài sản không phải là vật chứng nhưng tạm giữ lại để đảm bảo thi hành án.

01 Phong bì niêm phong bên trong có chứa 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XS, màu bạc lắp sim Viettel của Lê Văn L.

Trả lại cho anh Trần Việt C tài sản không phải là vật chứng nhưng tạm giữ lại để đảm bảo thi hành án.

01 Phong bì niêm phong bên trong có chứa 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO F7, lắp 02 sim điện thoại của Trần Việt C.

(Theo Biên bản giao, nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng ngày 14-12-2022 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện S, tỉnh T và Chi cục Thi hành án dân sự huyện S, tỉnh T).

Về biện pháp tư pháp:

Truy thu sung vào ngân sách nhà nước khoản tiền người phạm tội dùng để cho vay:

- Truy thu của chị Dương Thị T - Sinh năm: 1990; Địa chỉ: Tổ 08, phường TQ, thành phố T, tỉnh T số tiền 40.000.000đ.

- Truy thu của anh Trần Công Đ - Sinh năm: 1993; Địa chỉ: Thôn 21, xã ĐN, huyện HY, tỉnh T số tiền 15.100.000đ.

- Truy thu của anh Nông Thành T - Sinh năm: 1995; Địa chỉ: Thôn KT, xã PƯ, huyện S, tỉnh T số tiền 22.000.000đ.

- Truy thu của anh Nguyễn Văn Q - Sinh năm: 1996; Địa chỉ: Thôn LP, xã PƯ, huyện S, tỉnh T số tiền 10.000.000đ.

- Truy thu của bị cáo Lê Văn L số tiền 21.900.000đ.

Truy thu sung vào ngân sách nhà nước khoản tiền lãi tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự mà bị cáo Lê Văn L đã thu của người vay:

Truy thu của bị cáo Lê Văn L số tiền 10.277.400đ.

Truy thu sung vào ngân sách nhà nước khoản tiền lãi tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự mà bị cáo Lê Văn L và anh Trần Việt C đã thu của người vay:

Truy thu của bị cáo Lê Văn L và anh Trần Việt C - Sinh năm: 1992; Địa chỉ: Thôn TT1, xã Phức Ứng, huyện S, tỉnh T số tiền 799.900đ. Cụ thể, truy thu của bị cáo Lê Văn L và anh Trần Việt C mỗi người 399.900đ.

Trả lại cho người vay tiền thu lợi bất chính mà người phạm tội thực tế đã thu:

+ Buộc bị cáo Lê Văn L trả cho chị Dương Thị T - Sinh năm: 1990; Địa chỉ: Tổ 08, phường TQ, thành phố T, tỉnh T số tiền 29.527.200đ.

+ Buộc bị cáo Lê Văn L trả cho anh Trần Công Đ - Sinh năm: 1993; Địa chỉ: Thôn 21, xã ĐN, huyện HY, tỉnh T số tiền 20.575.300đ.

+ Buộc bị cáo Lê Văn L trả cho anh Nông Thành T - Sinh năm: 1995; Địa chỉ: Thôn KT, xã PƯ, huyện S, tỉnh T số tiền 801.300đ.

+ Buộc bị cáo Lê Văn L trả cho anh Nguyễn Văn Q - Sinh năm: 1996; Địa chỉ: Thôn LP, xã PƯ, huyện S, tỉnh T số tiền 667.800đ.

+ Buộc bị cáo Lê Văn L trả cho anh Phạm Văn T1 - Sinh năm: 2002; Địa chỉ: Thôn CT, xã PƯ, huyện S, tỉnh T số tiền 1.780.800đ.

Về án phí: Buộc bị cáo Lê Văn L phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Về Q kháng cáo:

Bị cáo Lê Văn L; Người có Q lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án anh Nông Thành T, anh Nguyễn Văn Q, anh Phạm Văn T1 có Q kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 29-12-2022).

Người có Q lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án chị Dương Thị T, anh Trần Công Đ, anh Trần Việt C có Q kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- VKSND huyện S;
- VKSND tỉnh T;
- Công an huyện S;
- Tòa án nhân dân tỉnh T;

T-M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

(Đã ký)

- Sở tư pháp tỉnh T;
- Chi cục THADS huyện S;
- Lưu hs, hstha, vp.

Nguyễn Việt C